

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06-3-2018.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Võ Thị Thanh Thủy;

2/ Ông Châu Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Phan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ tỉnh Long An.

Ngày 06/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 175/2018/TLST - HNGĐ ngày 21/12/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/02/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Hạnh Thiên T, sinh năm: 19xx. (Có mặt).

Địa chỉ: Số xx Ấp x, xã A, huyện T, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh B, sinh năm: 19xx. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số xx Ấp x, xã A, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Hạnh Thiên T trình bày:

Do quen biết và được sự đồng ý của gia đình hai bên nên năm 2008 bà và ông Trần Thanh B sống chung, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy

ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số xx/2008 ngày xx/x/2008.

Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại Ấp x, xã A, huyện T, tỉnh L. Trong thời gian vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, bất đồng trong cách dạy con cái và ông B thường xuyên ghen tuông vô cớ. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Hiện nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh B.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Nguyên K, sinh ngày 19/5/2009 và Trần Nguyên K1, sinh ngày 22/4/2011. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Trần Thanh B vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản hòa giải ngày 25/01/2018 ông B có lời trình bày như sau: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung, chia tài sản, thời gian vợ chồng sống ly thân.

Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn như bà T trình bày là không đúng. Vợ chồng chung sống cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn do bà Thu bị tác động tự bên ngoài.

Ông B xác định hiện nay tình cảm vợ chồng vẫn còn và không đồng ý theo yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Hạnh Thiên T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Nguyên K, sinh ngày 19/5/2009 và Trần Nguyên K1, sinh ngày 22/4/2011. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Ông B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Trần Thanh B đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Hạnh Thiên T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ chấp nhận cho đương sự được ly hôn với ông Trần Thanh B. Đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà Nguyễn Hạnh Thiên T và ông Trần Thanh B xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện từ năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số xx/2008 ngày xx/x/2008, đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Bà T yêu cầu được ly hôn với ông B vì cho rằng vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Ngược lại, ông B không đồng ý, ông B cho rằng vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà T bị tác động bên ngoài. Xét thấy, dù ông Trần Thanh B không đồng ý ly hôn nhưng Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ cho ông B các văn bản theo đúng thủ tục luật định nhưng ông Trần Thanh B vẫn không đến Tòa án, xem như ông không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân này. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Hạnh Thiên T là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Nguyên K, sinh ngày 19/5/2009 và Trần Nguyên K1, sinh ngày 22/4/2011. Sau khi ly hôn bà T và ông B yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa bà Thu trình bày con chung hiện đang sống chung với bà từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Vì vậy, để đảm bảo cho cuộc sống sinh hoạt của cháu Trần Nguyên K, Trần Nguyên K1 không bị ảnh hưởng, mặt khác tại bản tự khai, cháu Trần Nguyên K cũng có nguyện vọng tiếp tục theo sống với mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cho bà T được tiếp tục giữ nuôi Trần

Nguyễn K và Trần Nguyên K1. Bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chia tài sản: Bà T và ông B xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nghĩa vụ trả nợ: Bà T và ông B xác định không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đ án phí về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 228, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Hạnh Thiên T và ông Trần Thanh B.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên là Trần Nguyên K, sinh ngày 19/5/2009 và Trần Nguyên K1, sinh ngày 22/4/2011 cho bà Nguyễn Hạnh Thiên T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Thanh B không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

3. Án phí: Bà Nguyễn Hạnh Thiên T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 04969 ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Bà T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Tân Trụ.
- THA DS huyện Tân Trụ.
- Các đương sự.
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa